

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2018**



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2018**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	3
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (Mẫu số B 01a – DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (Mẫu số B 02a – DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (Mẫu số B 03a – DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (Mẫu số B 09a – DN)	9

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI

### THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

<b>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</b>	Số 5900288566 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 23 tháng 5 năm 2002 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 cấp ngày 13 tháng 4 năm 2016.	
<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Lê An Khang	Chủ tịch
	Ông Hà Quốc Kiệt	Phó chủ tịch thường trực (từ ngày 19 tháng 3 năm 2018)
	Ông Phạm Trọng Quý Châu	Thành viên kiêm Trưởng ban Kiểm toán nội bộ (từ ngày 19 tháng 3 năm 2018)
	Ông Nguyễn Đình Tuấn	Thành viên
	Ông Hà Nguyên Hoàng	Thành viên
<b>Ban Kiểm soát</b>	Ông Trần Đình Lợi	Thành viên (đến ngày 19 tháng 3 năm 2018)
	Ông Đinh Châu Hiếu Thiện	Thành viên (đến ngày 19 tháng 3 năm 2018)
	Ông Hàn Phi Hải	Trưởng ban (đến ngày 19 tháng 3 năm 2018)
<b>Ban Giám đốc</b>	Bà Vũ Thị Kiều Vân	Thành viên (đến ngày 19 tháng 3 năm 2018)
	Ông Vũ Xuân Bình	Thành viên (đến ngày 19 tháng 3 năm 2018)
	Ông Trịnh Vinh Thanh	Giám đốc
<b>Người đại diện theo pháp luật</b>	Ông Hồ Quý Tri Thức	Phó Giám đốc (từ ngày 26 tháng 6 năm 2018)
	Ông Lê An Khang	Chủ tịch
<b>Trụ sở chính</b>	Số 114 Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.	
<b>Đơn vị kiểm toán</b>	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	

11/31/2018 10:00:00 AM

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai ("Công ty") ủy quyền cho Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và sai sót khác.

### PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm từ trang 5 đến trang 29. Báo cáo tài chính giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của kỳ sáu tháng kết thúc vào ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc



Trịnh Vinh Thanh  
Giám đốc  
Chữ ký được ủy quyền

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam  
Ngày 13 tháng 8 năm 2018





## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai ("Công ty") được lập ngày 30 tháng 6 năm 2018, và được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt ngày 13 tháng 8 năm 2018. Báo cáo tài chính giữa niên độ này bao gồm: bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 29.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 "Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện".

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



### Kết luận của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi nhận thấy không có vấn đề nào đáng lưu ý để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Mai Việt Hùng Trần  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
0048-2018-006-1  
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo soát xét: HCM7403  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2018

Như đã nêu trong Thuyết minh 2.1 của báo cáo tài chính giữa niên độ, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI

Mẫu số B 01a – DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ  
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2018**

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>166.811.155.805</b>	<b>195.924.987.526</b>
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	81.759.629.122	127.941.504.646
111	Tiền		1.759.629.122	25.441.504.646
112	Các khoản tương đương tiền		80.000.000.000	102.500.000.000
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>82.188.574.777</b>	<b>65.682.889.098</b>
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	23(b)	33.177.681.082	21.619.937.167
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	4	47.655.231.000	43.044.000.000
136	Phải thu ngắn hạn khác	5	1.355.662.695	1.018.951.931
<b>140</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	6	<b>2.384.797.483</b>	<b>2.283.206.584</b>
141	Hàng tồn kho		2.384.797.483	2.283.206.584
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>478.154.423</b>	<b>17.387.198</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		375.357.010	-
152	Thuế GTGT được khấu trừ		70.606.741	-
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	10(b)	32.190.672	17.387.198
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>208.593.263.838</b>	<b>219.386.116.153</b>
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>206.957.042.233</b>	<b>218.346.945.483</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	7(a)	205.532.398.608	216.917.986.508
222	Nguyên giá		396.597.490.810	396.562.068.089
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(191.065.092.202)	(179.644.081.581)
227	Tài sản cố định vô hình	7(b)	1.424.643.625	1.428.958.975
228	Nguyên giá		1.492.970.000	1.492.970.000
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(68.326.375)	(64.011.025)
<b>240</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>999.279.524</b>	-
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	999.279.524	-
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>636.942.081</b>	<b>1.039.170.670</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn		636.942.081	1.039.170.670
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>375.404.419.643</b>	<b>415.311.103.679</b>

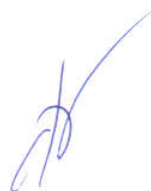
Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 29 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI

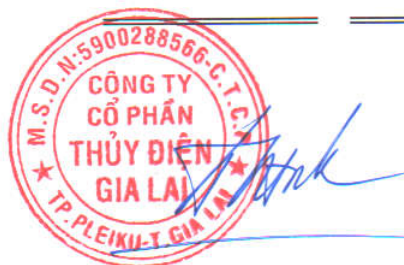
Mẫu số B 01a – DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ  
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2018  
(tiếp theo)**

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>19.109.528.540</b>	<b>76.289.212.720</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>19.109.528.540</b>	<b>76.289.212.720</b>
311	Phải trả người bán ngắn hạn	9	273.092.250	3.927.400.841
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	10(a)	5.728.004.116	10.741.410.320
314	Phải trả người lao động		149.214.416	136.602.794
315	Chi phí phải trả ngắn hạn		15.000.000	60.000.000
319	Phải trả ngắn hạn khác	11	3.696.391.407	51.049.630.532
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	12	9.247.826.351	10.374.168.233
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>356.294.891.103</b>	<b>339.021.890.959</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>356.294.891.103</b>	<b>339.021.890.959</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu	13, 14	205.000.000.000	205.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		205.000.000.000	205.000.000.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	14	52.499.670.000	52.499.670.000
418	Quỹ đầu tư phát triển	14	47.026.090.100	47.026.090.100
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	14	51.769.131.003	34.496.130.859
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		3.746.130.859	1.619.252.604
421b	- LNST chưa phân phối của kỳ/năm nay		48.023.000.144	32.876.878.255
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>375.404.419.643</b>	<b>415.311.103.679</b>



Võ Thị Tuyết Diệp  
Kế toán trưởng/Người lập



Trịnh Vinh Thanh  
Giám đốc  
Ngày 13 tháng 8 năm 2018



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LẠI

Mẫu số B 02a – DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2018**

Mã số	Thuyết minh	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
		2018 VND	2017 VND
01	Doanh thu bán hàng	70.197.121.430	73.431.058.108
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	70.197.121.430	73.431.058.108
11	Giá vốn hàng bán	20.679.716.167	20.691.815.362
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng (20 = 10 - 11)	49.517.405.263	52.739.242.746
21	Doanh thu hoạt động tài chính	4.327.635.220	1.452.348.278
22	Chi phí tài chính	-	-
25	Chi phí bán hàng	-	-
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.545.373.964	1.552.191.629
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	52.299.666.519	52.639.399.395
31	Thu nhập khác	86.860.909	364.238.277
32	Chi phí khác	10.424.478	47.945.295
40	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	76.436.431	316.292.982
50	Tổng lợi nhuận kê toán trước thuế (50 = 30 + 40)	52.376.102.950	52.955.692.377
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.353.102.806	4.183.634.512
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	48.023.000.144	48.772.057.865
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.343	2.379
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.343	2.379

Võ Thị Tuyết Diệp  
Kế toán trưởng/Người lập



Trịnh Vinh Thanh  
Giám đốc  
Ngày 13 tháng 8 năm 2018

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 29 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2018  
(Theo phương pháp gián tiếp)**

Mã số	Thuyết minh	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
		2018 VND	2017 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>52.376.102.950</b>	<b>52.955.692.377</b>
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	22 11.425.325.971	11.198.571.603
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(4.327.635.220)	(1.755.841.260)
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>59.473.793.701</b>	<b>62.398.422.720</b>
09	Tăng các khoản phải thu	(16.563.801.755)	(30.322.521.243)
10	Tăng hàng tồn kho	(101.590.899)	(227.188.752)
11	Giảm các khoản phải trả	(4.378.257.317)	(3.293.797.067)
12	Giảm chi phí trả trước	26.871.579	47.205.468
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(9.262.357.087)	(5.557.918.115)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	20.000.000
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(1.126.341.882)	(786.158.589)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>28.068.316.340</b>	<b>22.278.044.422</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(1.034.702.245)	(108.764.881)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	710.000.000
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	43.283.562.000
27	Thu tiền lãi	4.300.341.081	1.557.182.349
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>3.265.638.836</b>	<b>45.441.979.468</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
36	Chi trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu	(77.515.830.700)	(44.968.885.651)
40	<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(77.515.830.700)</b>	<b>(44.968.885.651)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>(46.181.875.524)</b>	<b>22.751.138.239</b>
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	3 127.941.504.646	20.757.627.323
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
70	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>3 81.759.629.122</b>	<b>43.508.765.562</b>

  
Võ Thị Tuyết Diệp  
Kế toán trưởng/Người lập



Trịnh Vinh Thanh  
Giám đốc  
Ngày 13 tháng 8 năm 2018

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 29 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2018**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Gia Lai và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900288566 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 23 tháng 5 năm 2002. Giấy chứng nhận điều chỉnh mới nhất được cấp ngày 13 tháng 4 năm 2016.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông trên thị trường UPCoM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Thông báo số 291/TB-SGDHN ngày 19 tháng 4 năm 2011 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán GHC.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng công trình thủy điện vừa và nhỏ; sản xuất, truyền tải và phân phối điện; và cung cấp hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày cuối kỳ, Công ty có 52 nhân viên (tại ngày đầu năm: 47 nhân viên).

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

**2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (“VND” hay “đồng”).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán (tiếp theo)**

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

**2.5 Khoản phải thu khách hàng**

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối kỳ. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

**2.6 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền cho nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ, bao gồm tất cả các chi phí mua và các chi phí khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

**2.7 Tài sản cố định**

*Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.7 Tài sản cố định (tiếp theo)

#### *Khấu hao*

Tài sản cố định được khấu hao/hao mòn theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	13 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị quản lý	3 - 10 năm
Khác	3 - 25 năm

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 43 năm phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai cấp ngày 7 tháng 10 năm 2010.

Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

#### *Thanh lý*

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với tài sản đủ điều kiện, chi phí vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

### 2.8 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

### 2.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.



## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.10 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

### 2.11 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa và dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo.

### 2.12 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

### 2.13 Vốn cổ phần

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh lũy kế sau thuế thu nhập và sau khi đã trích các quỹ được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại thời điểm báo cáo.

350  
TỶ  
SỐ  
HỆ  
A  
10



**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.14 Phân chia lợi nhuận thuần**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt nam có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Công ty phân chia lợi nhuận thuần như sau:

**(a) Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông.

**(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông.

**(c) Chia cổ tức**

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

**2.15 Ghi nhận doanh thu**

**(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng thành phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

**(b) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.16 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

### 2.17 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và lỗ tỷ giá hối đoái.

### 2.18 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp và chi phí khác.

### 2.19 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.



**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.20 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho tổng của số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm trong năm.

**2.21 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Ban Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**2.22 Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

**3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	25.038.043	23.415.588
Tiền gửi ngân hàng	1.734.591.079	25.418.089.058
Các khoản tương đương tiền (*)	80.000.000.000	102.500.000.000
	<u>81.759.629.122</u>	<u>127.941.504.646</u>

(\*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trong vòng 3 tháng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI**

Mẫu số B 09a – DN

**4 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Bên thứ ba	1.727.456.000	44.000.000
Bên liên quan (Thuyết minh 23(b))	45.927.775.000	43.000.000.000
	<u>47.655.231.000</u>	<u>43.044.000.000</u>

**5 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Lãi phải thu	141.821.918	-	600.666.667	-
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh 23 (b))	837.902.777	-	402.329.789	-
Phải thu người lao động	357.734.000	-	10.741.900	-
Khác	18.204.000	-	5.213.575	-
	<u>1.355.662.695</u>	<u>-</u>	<u>1.018.951.931</u>	<u>-</u>

Tại ngày cuối kỳ và ngày đầu năm, Công ty không có khoản phải thu ngắn hạn khác nào quá hạn hoặc còn trong hạn nhưng khó thu hồi.

**6 HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Nguyên vật liệu tồn kho	419.248.993	314.470.294
Công cụ, dụng cụ trong kho	1.965.548.490	1.968.736.290
	<u>2.384.797.483</u>	<u>2.283.206.584</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
	<u>2.384.797.483</u>	<u>2.283.206.584</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LẠI**

**Mẫu số B 09a - DN**

**7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

**(a) Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	193.478.121.738	159.197.129.173	3.250.072.209	161.650.000	40.475.094.969	<b>396.562.068.089</b>
Mua trong kỳ	35.422.721	-	-	-	-	<b>35.422.721</b>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	193.513.544.459	159.197.129.173	3.250.072.209	161.650.000	40.475.094.969	<b>396.597.490.810</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	82.889.332.660	71.931.427.127	836.924.545	62.917.284	23.923.479.965	<b>179.644.081.581</b>
Khấu hao trong kỳ	4.930.864.767	4.810.481.818	86.532.522	14.102.502	1.579.029.012	<b>11.421.010.621</b>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	87.820.197.427	76.741.908.945	923.457.067	77.019.786	25.502.508.977	<b>191.065.092.202</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	110.588.789.078	87.265.702.046	2.413.147.664	98.732.716	16.551.615.004	<b>216.917.986.508</b>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	105.693.347.032	82.455.220.228	2.326.615.142	84.630.214	14.972.585.992	<b>205.532.398.608</b>

Tại ngày cuối kỳ, nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 192 triệu đồng (tại ngày đầu năm: 121,3 triệu đồng).

Tại ngày cuối kỳ, Công ty đã sử dụng một phần tài sản cố định hữu hình và quyền sử dụng đất (Thuyết minh 7(b)) liên quan đến dự án thủy điện H'Chan và H'Mun với tổng giá trị còn lại là 206 tỷ đồng (tại ngày đầu năm: 217 tỷ đồng) để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Công ty (nhưng chưa giải ngân), và dùng để đảm bảo bổ sung tài sản thế chấp cho các khoản vay của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai – Công ty mẹ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI**

Mẫu số B 09a - DN

**7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)**

**(b) Tài sản cố định vô hình**

**Quyền sử dụng đất  
VND**

**Nguyên giá**

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018  
và tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

1.492.970.000

**Khấu hao lũy kế**

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018  
Khấu hao trong kỳ

64.011.025

4.315.350

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

68.326.375

**Giá trị còn lại**

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018

1.428.958.975

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

1.424.643.625

**8 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<b>Số cuối kỳ VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
Dự án Nhà máy Điện mặt trời TTC - Hàm Phú 2 (*)	816.397.723	-
Khác	182.881.801	-
	<u>999.279.524</u>	<u>-</u>

(\*) Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 6 năm 2018, Công ty thông qua chủ trương đầu tư dự án Nhà máy Điện mặt trời TTC – Hàm Phú 2 với tổng mức đầu tư là 1.017,452 tỷ đồng.

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30.6.2018 VND</b>	<b>Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2017 VND</b>
Số dư đầu kỳ/năm	-	-
Mua trong kỳ/năm	999.279.524	-
Chuyển sang TSCĐ	-	-
Số dư cuối kỳ/năm	<u>999.279.524</u>	<u>-</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI**

Mẫu số B 09a - DN

**9 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Bên thứ ba	99.842.250	266.220.912
Bên liên quan (Thuyết minh 23(b))	173.250.000	3.661.179.929
	<u>273.092.250</u>	<u>3.927.400.841</u>

Tại ngày cuối kỳ và ngày đầu năm, Công ty không có khoản phải trả người bán ngắn hạn nào bị quá hạn.

**10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP/PHẢI THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC****(a) Phải nộp**

	Tại ngày 1.1.2018 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Tại ngày 30.6.2018 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.401.983.708	4.353.102.806	(9.262.357.087)	2.492.729.427
Thuế giá trị gia tăng	1.563.593.318	6.841.655.601	(6.583.918.466)	1.821.330.453
Thuế tài nguyên	1.310.862.663	2.960.927.814	(3.108.697.872)	1.163.092.605
Các khoản phí, lệ phí	464.970.631	160.149.500	(374.268.500)	250.851.631
	<u>10.741.410.320</u>	<u>14.315.835.721</u>	<u>(19.329.241.925)</u>	<u>5.728.004.116</u>

**(b) Phải thu**

Thuế và các khoản phải thu ngân sách Nhà nước chủ yếu bao gồm tiền thuế thu nhập cá nhân nộp thừa.



**11 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Cổ tức phải trả (Thuyết minh 16)	2.918.020.401	49.683.851.101
Phí bảo vệ môi trường rừng	730.345.536	1.285.026.896
Khác	48.025.470	80.752.535
	<u>3.696.391.407</u>	<u>51.049.630.532</u>
Trong đó:		
Bên liên quan (Thuyết minh 23(b))	21.000.000	28.807.520.922
Bên thứ ba	<u>3.675.391.407</u>	<u>22.242.109.610</u>
	<u>3.696.391.407</u>	<u>51.049.630.532</u>

Tại ngày cuối kỳ và ngày đầu năm, Công ty không có khoản phải trả ngắn hạn khác nào bị quá hạn.

**12 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30.6.2018 VND	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2017 VND
Số dư đầu kỳ/năm	10.374.168.233	6.548.500.542
Tăng trong kỳ/năm (Thuyết minh 14)	-	5.740.084.368
Sử dụng trong kỳ/năm	(1.126.341.882)	(1.914.416.677)
Số dư cuối kỳ/năm	<u>9.247.826.351</u>	<u>10.374.168.233</u>

56 / 75 IN IẾ AJ 04

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI**

Mẫu số B 09a – DN

**13 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU****(a) Số lượng cổ phiếu**

	Số cuối kỳ Cổ phiếu phổ thông	Số đầu năm Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký, đã phát hành và đang lưu hành	20.500.000	20.500.000

**(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	11.919.364	58,14	11.919.364	58,14
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	600.000	2,93	600.000	2,93
Các cổ đông khác	7.980.636	38,93	7.980.636	38,93
	20.500.000	100,00	20.500.000	100,00

**(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần**

	Số cổ phiếu phổ thông	Giá trị cổ phiếu phổ thông VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 và ngày 30 tháng 6 năm 2018	20.500.000	205.000.000.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu.

Công ty không có cổ phiếu ưu đãi.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI**

Mẫu số B 09a – DN

**14 TÍNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	205.000.000.000	52.499.670.000	28.883.472.879	11.227.145.075	297.610.287.954
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	114.801.687.373	114.801.687.373
Cổ tức công bố	-	-	-	(67.650.000.000)	(67.650.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	18.142.617.221	(18.142.617.221)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 12)	-	-	-	(5.740.084.368)	(5.740.084.368)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	205.000.000.000	52.499.670.000	47.026.090.100	34.496.130.859	339.021.890.959
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	48.023.000.144	48.023.000.144
Cổ tức công bố (*)	-	-	-	(30.750.000.000)	(30.750.000.000)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	205.000.000.000	52.499.670.000	47.026.090.100	51.769.131.003	356.294.891.103

(\*) Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 3 năm 2018 ("Nghị quyết 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ") về việc chi bổ sung cổ tức năm 2017 bằng tiền mặt với tỷ lệ 15% vốn điều lệ (tương đương 30,75 tỷ đồng).

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI**

Mẫu số B 09a – DN

**15 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

**(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2018	2017
Lợi nhuận thuần (VND)	48.023.000.144	48.772.057.865
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	-	-
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	<u>48.023.000.144</u>	<u>48.772.057.865</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	20.500.000	20.500.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>2.343</u>	<u>2.379</u>

(\*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến dựa vào kế hoạch phân phối lợi nhuận của Công ty.

**(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**16 CỔ TỨC**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30.6.2018 VND	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2017 VND
Số dư đầu kỳ/năm	49.683.851.101	47.422.678.252
Cổ tức phải trả trong kỳ/năm (Thuyết minh 14)	30.750.000.000	67.650.000.000
Cổ tức đã chi trả bằng tiền	(77.515.830.700)	(65.388.827.151)
Số dư cuối kỳ/năm	<u>2.918.020.401</u>	<u>49.683.851.101</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI**

Mẫu số B 09a – DN

**17 DOANH THU BÁN HÀNG**

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2018 VND	2017 VND
Doanh thu bán điện	70.197.121.430	73.431.058.108

**18 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2018 VND	2017 VND
Giá vốn bán điện	20.679.716.167	20.691.815.362

**19 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2018 VND	2017 VND
Lãi ứng trước tiền hàng (Thuyết minh 23(a))	2.486.236.110	34.041.667
Lãi tiền gửi	1.841.399.110	506.653.637
Lãi chậm thanh toán (Thuyết minh 23(a))	-	911.652.974
	<u>4.327.635.220</u>	<u>1.452.348.278</u>

**20 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	769.183.451	654.887.297
Chi phí vật liệu quản lý	22.705.573	27.851.823
Chi phí khấu hao	3.437.502	77.524.727
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.143.960	5.508.469
Chi phí khác	743.903.478	786.419.313
	<u>1.545.373.964</u>	<u>1.552.191.629</u>



**21 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Đối với dự án thủy điện H'Chan, Công ty được áp dụng thuế suất 10% trong vòng 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh (từ năm 2006), thuế TNDN được miễn trong 4 năm (từ năm 2006 đến năm 2009) và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2010 đến năm 2018) kể từ khi có thu nhập chịu thuế do dự án đầu tư mang lại.

Đối với dự án thủy điện H'Mun, Công ty được giảm 50% thuế TNDN cho 9 năm (từ năm 2015 đến năm 2023).

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% (2017: 20%) như sau:

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	52.376.102.950	52.955.692.377
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	598.137.227	466.015.234
Thu nhập tính thuế ước tính:		
Dự án Nhà máy thủy điện H'Chan	23.858.896.463	25.062.114.266
Dự án Nhà máy thủy điện H'Mun	26.629.107.605	27.413.898.704
Thu nhập khác	2.486.236.110	945.694.641
Chi phí thuế TNDN		
Dự án Nhà máy thủy điện H'Chan	2.385.889.646	2.506.211.427
Dự án Nhà máy thủy điện H'Mun	5.325.821.521	5.482.779.741
Thu nhập khác	497.247.223	189.138.928
Thuế được miễn hoặc giảm		
Dự án Nhà máy thủy điện H'Chan	(1.192.944.823)	(1.253.105.714)
Dự án Nhà máy thủy điện H'Mun	(2.662.910.761)	(2.741.389.870)
Chi phí thuế TNDN (*)	4.353.102.806	4.183.634.512
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế TNDN - hiện hành	4.353.102.806	4.183.634.512
Thuế TNDN - hoãn lại	-	-
	4.353.102.806	4.183.634.512

(\*) Chi phí thuế TNDN cho kỳ kế toán được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

22 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2018 VND	2017 VND
Chi phí khấu hao	11.425.325.971	11.157.826.308
Chi phí nhân viên	4.139.765.997	4.036.520.299
Chi phí dịch vụ mua ngoài	888.207.087	108.068.473
Chi phí nguyên vật liệu	193.571.445	179.413.330
Khác	5.578.219.631	6.762.178.581
	<u>22.225.090.131</u>	<u>22.244.006.991</u>

23 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Công ty Cổ phần Điện Gia Lai, một công ty được thành lập tại Việt Nam, do chiếm 58,14% vốn điều lệ của Công ty.

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong kỳ, các giao dịch trọng yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan.

Bên liên quan	Quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
			2018 VND	2017 VND
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty mẹ	Cổ tức đã công bố	17.879.046.000	11.919.364.000
		Doanh thu bán hàng	-	40.745.295
		Mua hàng hóa và dịch vụ	868.464.638	474.304.142
		Chi phí được chi hộ	158.931.579	124.586.928
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Cổ đồng	Doanh thu bán điện	70.197.121.430	73.431.058.109
		Cổ tức đã công bố	900.000.000	600.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn và Phát triển năng lượng Gia Lai	Công ty thành viên trong tập đoàn	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	28.854.955

286  
IG  
PH  
Đ  
LU  
J.T.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI**

**Mẫu số B 09a – DN**

**23 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)**

Bên liên quan	Quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
			2018 VND	2017 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan khác	Lãi bán hàng trả chậm Ứng trước tiền mua dịch vụ	- 2.917.500.000	911.652.974 -
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công	Bên liên quan khác	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	113.188.000
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Bên liên quan khác	Ứng trước tiền mua dịch vụ	10.275.000	-
Công ty Cổ phần Giao dịch hàng hóa Sơn Tín	Bên liên quan khác	Lãi ứng trước tiền hàng Ứng trước tiền mua hàng	2.486.236.110 -	34.041.667 43.000.000.000
<b>Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt</b>				
Lương và các quyền lợi gộp khác			524.768.679	505.167.619

566  
C  
Y  
I  
N  
I  
E  
N  
V  
I  
G  
I  
A  
I



## 23 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

## (b) Số dư cuối kỳ/năm với các bên liên quan

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
<b>Cổ đông</b>		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	33.177.681.082	21.619.937.167
<b>Trả trước cho nhà cung cấp (Thuyết minh 4)</b>		
<b>Bên liên quan khác</b>		
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín (*)	43.000.000.000	43.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	2.917.500.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	10.275.000	-
	45.927.775.000	43.000.000.000
<b>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 5)</b>		
<b>Bên liên quan khác</b>		
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	837.902.777	351.763.889
Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú	-	50.565.900
	837.902.777	402.329.789
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 9)</b>		
<b>Cổ đông</b>		
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	173.250.000	3.661.179.929

(\*) Thực hiện theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 05/2017/NQ - HĐQT ngày 21 tháng 6 năm 2017, Công ty thỏa thuận ký Hợp đồng mua hàng với tổng giá trị hợp đồng là 63 tỷ đồng và ứng trước cho bên bán số tiền là 43 tỷ đồng (Thuyết minh 23(a)).

Công ty được hưởng lãi suất 11,5%/năm (2017: 9,5%/năm) trên số tiền tạm ứng và nhận thế chấp 4.500.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công.



**23 THUYẾT MINH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**(b) Số dư cuối kỳ/năm với các bên liên quan (tiếp theo)**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 11)</b>		
<b>Cổ đông</b>		
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	21.000.000	27.427.520.922
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	-	1.380.000.000
	<u>21.000.000</u>	<u>28.807.520.922</u>


**24 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện năng. Rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về lĩnh vực kinh doanh mà Công ty cung cấp hoặc do khu vực địa lý mà Công ty hoạt động. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

**25 NỢ TIỀM TÀNG**

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty phải lập dự phòng cho các khoản chi phí khôi phục phát sinh khi hoàn trả mặt bằng và đất thuê theo quy định và chính sách áp dụng đối với ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty. Theo đó, Công ty có nghĩa vụ thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng vào cuối thời hạn thuê hoặc thời hạn kết thúc dự án. Tại ngày báo cáo tài chính này, Công ty chưa ghi nhận khoản dự phòng này do chưa có hướng dẫn từ cơ quan chức năng về dự phòng hoàn nguyên môi trường đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được Ban Giám đốc phê chuẩn ngày 13 tháng 8 năm 2018.

  
 \_\_\_\_\_  
 Võ Thị Tuyết Diệp  
 Kế toán trưởng/Người lập

  
  
 \_\_\_\_\_  
 Trịnh Vinh Thanh  
 Giám đốc